TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2019/DS-PT
Ngày: 26 – 4 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1953 (vắng mặt).2. Bà Trần Thị D1, sinh năm 1959 (vợ ông Y, có mặt)3. Ông Trần Trọng T1, sinh năm 1963 (có mặt).4. Bà Trần Mỹ T2, sinh năm 1967 (vợ ông T1, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đoàn Duy K, sinh năm 1968 (chồng bà B, có mặt).

2. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1952 (cha bà B, vắng mặt).

3. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1989 (con ông T1, vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1982 (con ông Y, có mặt).

5. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 (con ông Y, vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Nhớ A, sinh năm 1990 (con ông Y, vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Nhớ E, sinh năm 1994 (con ông Y, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C ..

8. Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh C (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

9. Trại giam C

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U , tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Duy Duyệt – Phó đội trưởng KH, HN, DN và XD (theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2019, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B trình bày:* Vào năm 2005 hộ ông Nguyễn Văn Y và ông Trần Trọng T1 từ huyện Đầm Dơi qua huyện U Minh không có chổ ở nên cha bà là ông Nguyễn Thành C cho ông Y và ông T1 mượn phần đất với diện tích 320m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U ., tỉnh Cà Mau để cất nhà ở. Đối với phần đất trên bà B đã được ông C cho lại và được Ủy ban nhân dân huyện U M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tổng số diện tích 18.060m^2, thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 680. Do nay bà có nhu cầu sử dụng phần đất này nên có yêu cầu hai gia đình ông Y, ông T1 trả lại phần diện tích đất đã cho mượn theo đo đạc thực tê là 431,6 m^2 nhưng ông Y và ông T1 không đồng ý trả lại, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Y và ông T1 di dời nhà đi nơi khác trả lại đất cho bà.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Y trình bày*: Gia đình ông không có mượn phần đất của ông C như bà B trình bày, trước đây gia đình ông từ huyện Đầm Dơi qua huyện U Minh, khi đó ông Hai Thọ công tác tại Trại giam C cho gia đình ông mượn phần bờ xáng để cất nhà ở. Nay bà B yêu cầu gia đình ông di dời nhà đi nơi khác trả lại phần đất thì ông không đồng ý vì phần đất này là đất của Trại giam C chứ không phải đất của bà B, ông yêu cầu Tòa án xác minh phần đất trên nếu là đất của bà B thì gia đình ông sẽ tự di dời nhà đi nơi khác không yêu cầu bà B bồi thường thành quả đầu tư trên đất, còn nếu là đất của Trại giam C hoặc quỹ đất của xã Khánh An thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi bà B và ông K được Ủy ban nhân dân huyện U M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông không không biết. Do đó ông yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà B, ông K tại thửa đất số 680, tờ bản đồ số 02 với diện tích theo đo đạc thực tế 431,6m^2, đất tại ấp 1, xã K, huyện U ., tỉnh Cà Mau. Đối với giá trị đất tranh chấp ông thống nhất theo giá bà B đưa ra là 50.000 đồng/m^2. Đồng thời do ông bị bệnh nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

- *Bị đơn ông Trần Trọng T1 trình bày*: Gia đình ông không có mượn phần đất của ông C như bà B trình bày, vào năm 2006 gia đình ông từ huyện Đầm Dơi qua huyện U Minh, khi đó ông Hai Thọ công tác tại Trại giam C cho gia đình ông

mượn phần bờ xáng Kinh Ba Nò để cất nhà ở nên bà B yêu cầu gia đình ông di dời nhà đi nơi khác trả lại đất thì ông không đồng ý vì phần đất này là đất của Trại giam C chứ không phải đất của bà B. Ông yêu cầu Tòa án xác minh phần đất trên nếu là đất của bà B thì gia đình ông sẽ tự di dời nhà đi nơi khác không yêu cầu bà B bồi thường thành quả, còn nếu là đất của Trại giam C thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi bà B và ông K được Ủy ban nhân dân huyện U M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông không không biết. Do đó ông yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà B, ông K tại thửa đất số 680, tờ bản đồ số 02 với diện tích khoảng 320m^2, đất tại ấp 1, xã K, huyện U ., tỉnh Cà Mau. Đối với giá trị đất tranh chấp ông thống nhất theo giá bà B đưa ra là 50.000 đồng/m^2.

- *Bị đơn bà Trần Mỹ T2 trình bày*: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Trần Trọng T1 bà không trình bày gì thêm. Đối với giá trị đất tranh chấp bà thống nhất theo giá bà B đưa ra là 50.000 đồng/m^2.

- *Bị đơn bà Trần Thị D1 trình bày*: Phần đất tranh chấp giữa bà B với vợ chồng bà có nguồn gốc là của Trại giam C cho vợ chồng bà mượn ở. Do đó, bà không thống nhất trả đất theo yêu cầu của bà B. Đối với giá trị đất tranh chấp bà thống nhất theo giá bà B đưa ra là 50.000 đồng/m^2.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành C trình bày:* Trước đây ông có cho hộ ông Y và hộ ông T1 mượn phần đất để cất nhà ở, nhưng không có làm giấy tờ và không có quy định thời gian trả lại đất, khi nào gia đình ông Y, ông T1 có nơi ở mới thì trả lại đất cho ông. Nguồn gốc đất là do ông tự khai phá, đến năm 2015 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông cho lại con ông là Nguyễn Ngọc B. Hiện nay phần đất trên ông đã cho lại con ông là Nguyễn Ngọc B nên con ông có toàn quyền quyết định đối với phần đất trên. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Y và ông T1 di dời nhà đi nơi khác trả lại đất cho con ông.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Duy K trình bày:* Ông thống nhất theo lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Ngọc B ông không trình bày bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D2 trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha, mẹ anh, anh không trình bày bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhớ A trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha, mẹ anh, anh không trình bày bổ sung gì thêm. Đồng thời anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhớ E trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của cha, mẹ anh, anh không trình bày bổ sung gì thêm. Đồng thời anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của cha, mẹ anh, anh không trình bày bổ sung gì thêm. Đồng thời anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Đ trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của cha, mẹ anh, anh không trình bày bổ sung gì thêm. Đồng thời anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

-Người đại diện theo ủy quyền của Trại giam C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà B với ông Y, bà D1, ông T1, bà T2 là của Trại giam C trước đây cho những hộ dân trên mượn ở. Sau khi điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 thì cán bộ hậu cần của Trại Giam không biết rõ vị trí đất nên chỉ không đúng ranh giới đất của Trại Giam. Sau này khi Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thu hồi một phần diện tích đất của Trại giam cấp cho Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Cà Mau vướng những căn nhà của hộ ông Y, ông T1 và bà B do đó khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho sở Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau đã điều chỉnh mốc giới lại giáp ranh đất nhà của ông Y. Việc ông C được Ủy ban nhân dân huyện U M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Trại giam C không biết và không ký giáp ranh là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay hộ ông Y, ông T1 không có nơi sinh sống ổn định nên Trại giam C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị D1, ông Trần Trọng T1, bà Trần Mỹ T2 di dời nhà trả phần đất có diện tích 431,6 m^2. Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Ngọc B dài 01m.

+ Phía Tây giáp lộ xe U Minh-Cà Mau dài 13,2m.

+ Phía Nam giáp hàng rào khu đất của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Cà Mau dài 50,6m.

+ Phía Bắc giáp đất của bà Nguyễn Ngọc B dài 50,6m.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị D1, ông Trần Trọng T1, bà Trần Mỹ T2 về việc điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đoàn Duy K và bà Nguyễn Ngọc B.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện U M điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Duy K, bà Nguyễn Ngọc B do UBND huyện U Minh cấp ngày 20/10/2015, tại thửa đất số 680, tờ bản đồ 02, theo quyết định số 1157/QĐUB ngày 20/10/2015 có ảnh hưởng đến phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị D1, ông Trần Trọng T1, bà Trần Mỹ T2 với diện tích 431,6 m^2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 09/01/2019, bà Nguyễn Ngọc B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ

khởi kiện của bà buộc hộ ông Nguyễn Văn Y và ông Trần Trọng T1 trả lại bà phần đất diện tích 431.6m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Ngọc B không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm, tuyên không chấp nhận yêu cầu của bà B buộc ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị D1 và ông Trần Trọng T1, bà Trần Mỹ T2 trả lại cho bà B phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 431,6m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U ., tỉnh Cà Mau với lý do bà B cho rằng gia đình ông Y và gia đình ông T1 ở tại phần đất của vợ chồng bà B, do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành C là cha của bà B (thực chất là tặng cho) và vợ chồng bà B đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Phần đất các bên tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 431,6m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U ., tỉnh Cà Mau thuộc một phần của thửa đất số 680, tờ bản đồ số 2 do bà B và ông Đoàn Duy K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó ông Y và bà D1 quản lý sử dụng có diện tích 136,8m^2, ông T1 và bà T2 quản lý sử dụng có diện tích 294,8m^2. Phần đất tranh chấp có vị trí:

Hướng đông giáp phần đất còn lại của bà B: Dài 01m.

Hướng tây giáp lộ xe U – Cà Mau: Dài 13,2m.

Hướng nam giáp khu đất hàng rào Sở KH-CN: Dài 50,6m.

Hướng bắc giáp phần đất còn lại của bà B: Dài 50,6m

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, bà B xác định gia đình ông Y, bà D1 đến cất nhà ở sinh sống tại phần đất này từ năm 2005, gia đình ông T1, bà T2 đến cất nhà ở sinh sống tại phần đất này từ năm 2006. Vào thời điểm gia đình ông Y và gia đình ông T1 đến cất nhà ở trên phần đất này thì gia đình bà B cũng chưa xác định được ông Y, ông T1 cất nhà ở trên phần đất của ông C hay phần đất của Trại giam C. Lời trình bày này của bà B là hoàn toàn phù hợp với nội dung biên bản họp dân ngày 04/10/2008 để giải quyết vấn đề nhà ở trên khu vực đất An ninh quốc phòng, theo nội dung biên bản họp dân cũng không xác định được gia đình ông Y, gia đình ông T1 có cất nhà ở trên phần đất của Trại giam hay không. Tuy nhiên tại cuộc họp có kết luận sau buổi họp sẽ tiến hành đo đạc lại, nếu hộ nào có cất nhà trên phần đất nằm trong khu vực phần đất An ninh quốc phòng thì phải di dời tháo dỡ nhà để trả lại hiện trạng đất cho Trại giam. Thực tế sau khi họp đến thời điểm phần đất của Trại giam tại khu vực này bị thu hồi, thì Trại giam cũng không tiến hành đo đạc lại và gia đình ông

Y, gia đình ông T1 vẫn sinh sống trên phần đất này. Đến năm 2015 gia đình ông Y còn được Tập đoàn dầu khí xét xây tặng căn nhà Đại đoàn kết.

[4] Ngoài ra theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C thể hiện ông C được cấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) năm 2015, tại thời điểm này thì trên đất đã hiện hữu 02 căn nhà của ông Y, ông T1 từ năm 2005, 2006. Nhưng cơ quan chuyên môn khi xét cấp QSDĐ cho ông C chỉ căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28/7/2015 cho rằng đất ông C tự khai phá, không có tranh chấp, mà không xác minh những hộ sinh sống trên đất như ông Y, ông T1 để làm về rõ nguồn gốc đất. Mặc khác theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cấp cho ông C cũng không thể hiện có sự đồng ý ký xác nhận của các hộ giáp ranh, trong khi theo biên bản họp dân ngày 04/10/2008 có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã Khánh An cũng chưa xác định được đất của ai. Như vậy biên bản xác minh ngày 28/7/2015 cho rằng đất ông C tự khai phá, không có tranh chấp là chưa đúng với thực tế quá trình quản lý sử dụng đất của ông C, do đó xét thấy về quy trình cấp đất cho ông C là chưa phù hợp theo quy định.

[5] Bà B căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C vào năm 2015, sau đó ông C lập thủ tục chuyển nhượng (thực chất theo bà B xác định là tặng cho) lại một phần đất cho vợ chồng bà B và vợ chồng bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện có bao trùm cả phần đất mà gia đình ông T1, gia đình ông Y cất nhà ở, nên cho rằng gia đình ông Y, gia đình ông T1 cất nhà ở trên phần đất của ông C cho vợ chồng bà, không phải cất nhà ở trên phần đất của Trại giam C, ông C là người cho ông Y và ông T1 mượn đất chứ không phải Trại giam C. Trong khi QSDĐ được cấp cho ông C vào năm 2015 chưa đúng quy trình. Từ đó bà B yêu cầu ông Y, ông T1 trả lại đất cho bà vì bà đã được ông C cho lại phần đất này, hiện bà B và ông K đứng tên QSDĐ là không phù hợp. Từ những cơ sở trên, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ.

[6] Phần đất hiện có tranh chấp giữa các bên đương sự, đại diện Trại giam C xác định trước đây Nhà nước có giao đất nhưng sau đó đã có quyết định thu hồi lại toàn bộ phần đất này, như vậy đất của Trại giam tại khu vực này là không còn. Thực tế ông Y, ông T1 là người sử dụng phần đất hiện tranh chấp từ năm 2005, 2006 đến nay đã trên 10 năm, ngoài phần đất trên thì ông Y, ông T1 không còn phần đất nào khác. Do đó việc ông Y, ông T1 yêu cầu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B. Như đã phân tích ở trên nên cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện U M điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà B, ông K đối với phần diện tích đang tranh chấp theo yêu cầu của ông Y, ông T1 là phù hợp.

[7] Trong giai đoạn phúc thẩm bà B cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của bà B. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về chi phí đo đạc: Do yêu cầu của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu chi phí đo đạc 991.000 đồng, bà B đã nộp xong.

[9] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Ngọc B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc B.

Giữ bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị D1, ông Trần Trọng T1, bà Trần Mỹ T2 di dời nhà trả phần đất có diện tích 431,6 m^2. Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Ngọc B dài 01m.

+ Phía Tây giáp lộ xe U -Cà Mau dài 13,2m.

+ Phía Nam giáp hàng rào khu đất của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Cà Mau dài 50,6m.

+ Phía Bắc giáp đất của bà Nguyễn Ngọc B dài 50,6m.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện U điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Duy K, bà Nguyễn Ngọc B do Ủy ban nhân dân huyện U cấp ngày 20/10/2015, tại thửa đất số 680, tờ bản đồ 02, theo quyết định số 1157/QĐUB ngày 20/10/2015 có ảnh hưởng đến phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị D1, ông Trần Trọng T1, bà Trần Mỹ T2 với diện tích 431,6 m^2.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng số tiền 991.000 đồng bà B phải chịu. Bà B đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Ngọc B phải chịu 1.079.000 đồng, ngày 02 tháng 6 năm 2017 bà B đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011410 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu. Bà B phải nộp tiếp 779.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/01/2019 bà B đã dự nộp theo biên lai thu số 0004163 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. U Minh;
- Chi cục THADS H. Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Trung